



CÁC CÁCH TIẾP CẬN VÀ ĐỊNH HƯỚNG GIẢI PHÁP HỘI NHẬP QUỐC TẾ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

TS. NGUYỄN TIẾN HÙNG

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

Xu thế toàn cầu hóa không chỉ đưa công nghệ, kinh tế, kiến thức, con người, giá trị, tư tưởng... xuyên biên giới các quốc gia mà còn ảnh hưởng tới từng quốc gia theo những cách khác nhau tùy thuộc vào bối cảnh lịch sử, truyền thống, văn hóa và ưu tiên của quốc gia đó. Trong bối cảnh đó, quốc tế hóa hay hội nhập quốc tế (HNQT) trong giáo dục được coi là cách để mỗi quốc gia đáp ứng với toàn cầu hóa, đồng thời gìn giữ bản sắc của mình.

HNQT trong giáo dục đại học (GDĐH) là quá trình kết hợp hay tích hợp các đặc điểm đa văn hóa/quốc tế vào giảng dạy, nghiên cứu và các chức năng dịch vụ của cơ sở GDĐH thông qua các hoạt động, chính sách và quy trình... nhằm cung cấp cho người học kiến thức, kỹ năng và giá trị mới để có thể hoạt động hiệu quả trong các xã hội ngày càng toàn cầu hóa.

Dưới đây chúng tôi xin trình bày và phân tích các cách tiếp cận và định hướng giải pháp chính giúp GDĐH hội nhập quốc tế.

1. Các cách tiếp cận hội nhập quốc tế của giáo dục đại học

Nhìn chung có 4 cách tiếp cận dưới đây giúp GDĐH HNQT:

a) *Cách tiếp cận hiểu biết lẫn nhau* thường liên quan đến các mục tiêu chính trị, văn hóa, học thuật và trợ giúp phát triển của các quốc gia. Cách tiếp cận này cho phép và khuyến khích sự trao đổi sinh viên (SV) và các nhà khoa học/học giả giữa các quốc gia thông qua các chương trình học bổng, trao đổi học thuật và hỗ trợ cộng tác/hợp tác khoa học giữa các cơ sở GDĐH. Điển hình cho cách tiếp cận này là Nhật Bản, Mexico, Hàn Quốc và Tây Ban Nha và chương trình của Cộng đồng Châu Âu tập trung vào trao đổi SV, giáo viên (GV) và xây dựng mạng lưới hợp tác giữa các cơ sở GDĐH của các quốc gia trên thế giới.

b) *Cách tiếp cận thu hút SV tài năng* tập trung vào việc tuyển chọn các SV quốc tế tài năng đến học và làm việc trong nền kinh tế của quốc gia cung cấp học bổng. Các chương trình học bổng thường là công cụ chính sách quan trọng cho cách tiếp cận này, nhưng luôn được hỗ trợ bổ sung bởi các thủ tục visa hay các quy định nhập cư đơn giản... Một số quốc gia còn có các dịch vụ đặc biệt giúp SV quốc tế học tập, sống và làm việc ở nước ngoài một cách thuận lợi hơn,

cũng như tăng cường dạy ngoại ngữ bổ sung (chủ yếu là tiếng Anh) cho SV. Các quốc gia hay áp dụng cách tiếp cận này là Đức, Canada, Pháp và Anh với các chính sách thu hút SV tài năng đến học từ các nước Cộng đồng Châu Âu; còn Hoa Kỳ lại chú trọng SV học sau đại học. Cách tiếp cận này thường dẫn đến tăng số lượng SV quốc tế.

c) *Cách tiếp cận tạo ra/vì lợi nhuận* cung cấp các dịch vụ GDĐH với mức học phí cao hoặc thấp hơn tùy theo từng quốc gia. Các quốc gia áp dụng cách tiếp cận này thường có chính sách khuyến khích các cơ sở GDĐH hoạt động theo mô hình doanh nghiệp để đáp ứng thị trường giáo dục quốc tế, vì vậy, so với SV trong nước, SV nước ngoài thường mang lại thu nhập bổ sung cho cơ sở GDĐH. Thông qua chính sách này, chính phủ cho phép các cơ sở GDĐH có quyền tự chủ lớn để đáp ứng nhu cầu của người học, đi đôi với một quy trình nghiêm ngặt đảm bảo chất lượng GDĐH. Cách tiếp cận này thường phát triển mạnh số lượng SV tự trả học phí theo các chương trình đào tạo tạo ra lợi nhuận. Điển hình là các quốc gia Australia, Anh (thu hút chủ yếu SV đến từ các nước bên ngoài Cộng đồng Châu Âu) và Hoa Kỳ (chủ yếu thu hút SV học đại học).

d) *Cách tiếp cận xây dựng năng lực* được thực hiện theo cách xây dựng năng lực cho quốc gia, tức là phát triển các kỹ năng, kiến thức, thái độ và giá trị mới, từ đó hình thành các năng lực toàn cầu/quốc tế cho người dân nói chung và người học, người dạy và nhân viên trong hệ thống GDĐH nói riêng. Các chương trình học bổng cho các nhà lãnh đạo, quản lý, GV, các học giả và SV học tập ở nước ngoài là các công cụ chính sách quan trọng khuyến khích các cơ sở GDĐH, các chương trình và các học giả nước ngoài nổi tiếng đến làm việc theo các chương trình phát triển của quốc gia sở tại. Sự hợp tác song phương với các nhà cung cấp GDĐH của nước sở tại được khuyến khích (và đôi khi bắt buộc) nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi kiến thức giữa các cơ sở GDĐH trong nước và với nước ngoài. Cách tiếp cận này được nhiều quốc gia tại Đông Nam Á, Bắc Á và Trung Đông, như: Malaysia, Hong Kong, Trung Quốc và Singapore vận dụng rất hiệu quả.

Bốn cách tiếp cận trên khác nhau, nhưng hỗ trợ cho nhau, trong đó, 3 cách tiếp cận sau nổi lên

từ những năm 1990 và thường được dẫn dắt bởi lợi ích kinh tế, trong khi cách tiếp cận đầu tiên đã có một lịch sử phát triển lâu dài. Trong thực tế, các quốc gia đều vận dụng kết hợp cả 4 cách tiếp cận trên và nhấn mạnh đến cách tiếp cận nào tùy thuộc vào bối cảnh cụ thể của từng quốc gia.

2. Một số định hướng giải pháp hội nhập quốc tế của giáo dục đại học

2.1. Đa dạng hóa các kiểu/hình thức hội nhập quốc tế trong giáo dục đại học

Thực tế, bên cạnh việc *du học nước ngoài* - một kiểu điển hình về HNQT trong GDDH - còn tồn tại hình thức *du học tại chỗ*, tức là cho phép các cơ sở GDDH nước ngoài liên kết đào tạo một số chương trình với cơ sở GDDH trong nước hoặc mở các chi nhánh của mình tại nước sở tại. Hình thức du học tại chỗ phát triển mạnh trong những năm qua, và góp phần đáp ứng nhu cầu học đại học ngày càng tăng của người dân tại nhiều quốc gia.

Liên kết chương trình đào tạo là hình thức phổ biến của du học tại chỗ và thường thông qua giáo dục từ xa hoặc trực tiếp giữa cơ sở GDDH trong và ngoài nước với nhau. Các liên kết giáo dục tạo ra lợi nhuận này đang trở nên phổ biến trong các quốc gia của khu vực Châu Á - Thái Bình Dương, chủ yếu thông qua các thỏa thuận kinh doanh và song phương. Theo các thỏa thuận kinh doanh, cơ sở GDDH trong nước được phép của cơ sở nước ngoài thực hiện một phần hoặc toàn bộ chương trình đào tạo quốc tế theo các điều kiện do hợp đồng quy định. Theo chương trình song phương, SV được nhập học bởi cơ sở GDDH nước ngoài và được học chương trình nước ngoài; họ có thể học toàn bộ thời gian ở nước ngoài, hoặc học một phần khóa học trong nước và hoàn thành phần còn lại tại quốc gia có cơ sở nước ngoài. Ví dụ, ở Việt Nam hiện nay có Đề án „Đào tạo theo chương trình tiên tiến tại một số trường đại học Việt Nam giai đoạn 2008-2015” và 35 chương trình đào tạo tiên tiến quốc tế được thực hiện ở 23 trường đại học, và được giảng dạy trực tiếp bằng tiếng Anh.

Hình thức du học tại chỗ tiếp theo là *thành lập chi nhánh của cơ sở GDDH nước ngoài tại nước sở tại*. Hình thức này vẫn còn hạn chế về quy mô, có lẽ chủ yếu do rủi ro cao về lợi nhuận, nhưng cũng đang phát triển mạnh, và trở thành nét đặc trưng quan trọng của HNQT về GDDH. Bên cạnh việc mở các chi nhánh nước ngoài tại nước sở tại, một số quốc gia còn thành lập các cơ sở GDDH mới hoàn toàn theo mô hình của nước ngoài. Ví dụ, Việt Nam đang có kế hoạch xây dựng 4 trường đại học xuất sắc mới, trong đó có Đại học Việt - Đức đã đi vào hoạt động từ năm 2008, Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội đã tuyển sinh năm 2010 và 2 để ấn thành lập đại học

xuất sắc mới tại Đà Nẵng và Cần Thơ đang trong quá trình xây dựng.

2.2. Đảm bảo chất lượng và công nhận văn bằng/chứng chỉ

Các quốc gia cung cấp và nhận GDDH quốc tế có thể thực hiện các cách HNQT khác nhau, nhưng đều quan tâm tới việc tăng cường chất lượng để bảo vệ người học của mình hoặc để duy trì uy tín hệ thống GDDH, và thu hút SV nước ngoài. Tuy nhiên, sự khác nhau của các hệ thống GDDH tại các quốc gia và sự thiếu minh bạch về thông tin của các hệ thống này đang tạo điều kiện cho một số hệ thống GDDH chất lượng thấp, thậm chí cho sự hoạt động của các nhà cung cấp GDDH “lừa đảo” trong một hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm định kém tại một số nước sở tại. Vì vậy, hình thức du học tại chỗ thông qua liên kết chương trình đào tạo hay hoạt động của chi nhánh cơ sở GDDH nước ngoài có thể dẫn tới các rủi ro về chất lượng kém ở phạm vi lớn hoặc nhỏ tùy thuộc vào bối cảnh từng quốc gia.

Để khắc phục tồn tại trên, cần có sự công nhận các trình độ quốc tế tương đương bằng cấp/chứng chỉ, điều đó không chỉ đảm bảo cho người học nhận được một chất lượng giáo dục tốt và tạo điều kiện thuận lợi để có thể học liên thông giữa các quốc gia mà còn cho phép người tốt nghiệp ở nước ngoài quay về làm việc tại quốc gia của họ, cũng như trong thị trường lao động quốc tế. Như vậy, để bảo vệ quyền lợi của người học, quá trình HNQT trong GDDH cần lưu ý tới các mặt sau:

- Các nhà cung cấp GDDH nước ngoài cần đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của nước sở tại, đặc biệt là các yêu cầu về chất lượng thông qua việc tăng cường hệ thống đảm bảo chất lượng và kiểm định GDDH để cung cấp chất lượng GDDH cao cho người học, và có hệ thống thông tin tốt để bảo vệ người học tránh được rủi ro khi tìm kiếm nơi học;

- Điều chỉnh và phát triển hệ thống văn bằng/chứng chỉ phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế và đảm bảo minh bạch để tăng giá trị pháp lý quốc tế và có thể đảm bảo học liên thông cho người học, cũng như dễ dàng tìm kiếm được việc làm trên phạm vi quốc tế;

- Các đơn vị kiểm định và đảm bảo chất lượng quốc gia cần tăng cường hợp tác tại cấp độ quốc tế để hiểu biết lẫn nhau tốt hơn.

Mặc dù còn có hạn chế về quy mô và tiềm ẩn rủi ro về chất lượng kém, nhưng xu thế HNQT trong GDDH vẫn đang ngày càng phát triển mạnh và có nhiều đóng góp quan trọng cho việc đáp ứng nhu cầu học đại học của người dân tại nhiều quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam...

2.3. Nâng cao năng lực hệ thống GDDH

HNQT trong GDĐH đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đối với cả các quốc gia nhập khẩu cũng như xuất khẩu GDĐH, tuy nhiên, các quốc gia có nền kinh tế mới nổi lên và các quốc gia đang phát triển cần tận dụng xu thế này để tăng cường năng lực cho hệ thống GDĐH của mình. Cụ thể, các quốc gia đang phát triển thường chưa thể thỏa mãn nhu cầu GDĐH chất lượng cao cho người dân trong phạm vi lớn, vì vậy, cần có các giải pháp phát triển và tạo điều kiện thuận lợi cho công dân của mình tiếp cận các kiểu/hình thức GDĐH nước ngoài khác nhau...

Mặt khác, SV du học và học giả làm việc tại nước ngoài sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng mối quan hệ và hợp tác quốc tế, cập nhật kiến thức và công nghệ mới để giúp cải tiến chất lượng GDĐH của nước mình. Thực tế cho thấy, HNQT trong GDĐH còn cho phép xây dựng năng lực cho hệ thống GDĐH của nước sở tại nhanh hơn.

Tuy nhiên, để hạn chế một số rủi ro có thể xuất hiện trong quá trình HNQT trong GDĐH, như nạn "chảy máu chất xám", các quốc gia đang phát triển cần có các chính sách phù hợp, đồng thời khuyến khích và tạo các cơ hội việc làm tại quê hương cho người học.

2.4. Đảm bảo công bằng trong tiếp cận GDĐH

HNQT trong GDĐH có thể gây mất công bằng đối với nước sở tại, vì nó làm "mất chỗ" của SV trong nước. Hơn nữa, việc SV du học nước ngoài hay du học tại chỗ phải tự chi trả học phí, có thể khiến nhóm SV xuất thân từ hoàn cảnh giáo dục và kinh tế thấp hơn ít có cơ hội tham gia vào GDĐH quốc tế.

Để khắc phục tình trạng này, hầu hết các quốc gia đã áp dụng các chương trình tín dụng cho SV vay tiền để chi trả học phí và hoàn lại khi có việc làm; hoặc thông qua các chương trình học bổng cho đối tượng chính sách và cung cấp thông tin công khai và đầy đủ về lợi ích và chi phí học đại học rộng rãi cho người dân... Tại Việt Nam, chính sách tín dụng cho giáo dục mới được thực hiện từ năm 2007, nhưng đã mang lại nhiều kết quả đáng khích lệ, cụ thể: đến hết tháng 6/2010, đã có 1.915.774 HS, SV của 1.723.782 hộ gia đình được vay vốn, với tổng dư nợ là 23.745,595 tỉ đồng. Trong đó, 786.739 SV đại học được vay vốn, dư nợ 10.376,171 tỉ đồng và 584.201 SV cao đẳng được vay vốn, dư nợ 7.354,241 tỉ đồng. Nhờ đó, nhiều SV gặp khó khăn vượt qua được nguy cơ phải bỏ học.

Bên cạnh đó, các quốc gia OECD hiện nay đang thực hiện chiến lược trợ cấp gián tiếp nhằm giúp giảm bớt một phần gánh nặng tài chính cho SV quốc tế đến học tại quốc gia mình, như giảm một phần hoặc tất cả học phí cho SV có thành tích học

tập tốt... Chiến lược này hoàn toàn dựa trên nguyên tắc hai bên cùng có lợi. Thực tế, việc đào tạo SV quốc tế thường làm cho chi phí quản lý bổ sung của các trường đại học tăng lên, tuy nhiên, ở những nước có số lượng SV giảm thì SV quốc tế giúp giảm chi phí trung bình cho GDĐH, do tỉ lệ SV- GV tăng lên. Để cho hiệu quả hơn, cần phát triển các chính sách và cơ chế khuyến khích thông qua việc trao quyền tự chủ tài chính và nâng cao năng lực cho các cơ sở GDĐH để kiểm soát việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực tài chính sinh ra từ các hoạt động HNQT trong GDĐH; đồng thời bắt buộc các cơ sở GDĐH chịu trách nhiệm về các kết quả thực hiện của mình trong bối cảnh HNQT.

3. Kết luận

Xu thế HNQT trong GDĐH phát triển mạnh trong những năm gần đây do ngày càng có nhiều SV lựa chọn du học ở nước ngoài, du học tại chỗ, thông qua các chương trình liên kết đào tạo quốc tế, các chi nhánh của cơ sở GDĐH nước ngoài tại nước sở tại, các chương trình đào tạo từ xa...

Bối cảnh trên đòi hỏi các cách tiếp cận khác nhau để tăng cường sự hiểu biết giữa các quốc gia nhập và xuất khẩu GDĐH; tận dụng các thế mạnh của HNQT trong GDĐH để giải quyết các khó khăn tồn tại, cũng như xây dựng và tăng cường năng lực cho hệ thống GDĐH... Đồng thời, cần có các giải pháp phù hợp để khắc phục những rủi ro mà HNQT trong GDĐH có thể mang lại, như: tăng cường đảm bảo chất lượng và công nhận tương đương bằng cấp/văn bằng/chứng chỉ giữa các quốc gia, tăng cường tiếp cận và đảm bảo công bằng trong tiếp cận GDĐH cho tất cả người dân...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Tiến Hùng (2010), *Báo cáo khoa học tổng kết Nhiệm vụ nghiên cứu V2010-01NV: Đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược phát triển giáo dục 2001-2010*.
2. Aphijanyatham, R. (2010), *East Asian internationalisation higher education – A key to regional integration*, University of Tsukuba
3. OECD (2005), *E-learning in higher education*, Paris.
4. OECD (2004), *Quality and recognition in higher education – The cross-border challenge*, Paris.

SUMMARY

The author presents 4 approaches to international integration of higher education and several oriented solution to help higher education achieve international integration in the context of increasingly growing globalization.